

2027 CODE & IS UPDATE PROCESS

Bản dự thảo cuối cùng: Tóm tắt các thay đổi chính

Bộ luật phòng chống doping thể giới

Tóm tắt chính

Sau khi rà soát và xem xét cẩn thận các ý kiến của các bên liên quan được cung cấp để phản hồi đối với dự thảo Bộ luật lần thứ ba, cũng như trong liên quan với và sau cuộc họp Ban Chấp hành WADA tại Prague, Nhóm soạn thảo Bộ luật đã đề xuất các thay đổi bổ sung trong dự thảo thứ tư và cũng là dự thảo cuối cùng của Bộ luật phòng chống doping thể giới 2027 (Bộ luật), như một phần của quá trình cập nhật 2027 Code & IS đang được triển khai. [2027 Code & IS Update Process](#).

Mục đích của tài liệu này là tóm tắt các thay đổi chính được đề xuất trong bản dự thảo cuối cùng của Bộ luật 2027.

Bản dự thảo sửa đổi lần thứ nhất được công bố ngày 21 tháng 5 năm 2024. Bản dự thảo sửa đổi lần thứ hai được công bố ngày 26 tháng 2 năm 2025. Bản dự thảo sửa đổi lần thứ ba được trình lên Ban Chấp hành WADA tại cuộc họp ngày 11 tháng 9 năm 2025. Bản dự thảo sửa đổi lần thứ tư được gửi tới Ban Chấp hành WADA và Hội đồng Quỹ WADA, và được đăng trên trang web WADA vào đầu tháng 11 năm 2025. Bản dự thảo cuối cùng, như được Hội đồng Quỹ WADA phê duyệt ngày 5 tháng 12 năm 2025, được đăng trên trang web WADA ngày 19 tháng 12 năm 2025. Một phiên bản điều chỉnh nhẹ của bản dự thảo cuối cùng, trong đó có một số thay đổi hạn chế mang tính không đáng kể về nội dung, được đăng trên trang web WADA ngày 13 tháng 2 năm 2026.

Để đầy đủ, bản “Tóm tắt các thay đổi chính” của dự thảo lần thứ nhất được lặp lại bên dưới bằng chữ màu đen; bản “Tóm tắt các thay đổi chính” của dự thảo lần thứ hai được thể hiện bằng chữ màu xanh lá; của dự thảo lần thứ ba bằng chữ màu đỏ; của dự thảo lần thứ tư bằng chữ màu tím; và của bản dự thảo cuối cùng bằng chữ màu xanh dương.

“Một số thay đổi trong dự thảo lần thứ hai đáng được đặc biệt lưu ý bao gồm:”:

- Đề cập cụ thể hơn đến quyền con người
- Việc đưa VĐV vị thành niên không thuộc diện Người được bảo vệ vào một số quy định mà Người được bảo vệ được xem xét đặc biệt.
- Tăng cường tập trung vào trách nhiệm của Nhân viên hỗ trợ VĐV trong việc bảo đảm rằng các VĐV của họ không vi phạm quy định phòng chống doping, dù là cố ý hay vô ý.
- Làm rõ khi nào cần sự đồng ý của VĐV đối với việc nghiên cứu trên các mẫu đã được ẩn danh của họ.
- Bổ sung một Điều mới để thành lập Chuyên gia Rà soát Độc lập nhằm thực hiện một khuyến nghị then chốt trong Báo cáo Cottier.
- Thiết lập thời hạn kháng cáo thống nhất cho tất cả các bên, trừ WADA.
- Mở rộng định nghĩa về tính độc lập hoạt động của Tổ chức phòng chống doping quốc gia, điều này sẽ ảnh hưởng đến các thực tiễn hiện nay của một số bên liên quan.
- Mời tiếp tục thảo luận về các trường hợp ngoại lệ đối với việc Công bố công khai bắt buộc các quyết định về vi phạm quy định phòng chống doping.

Một số thay đổi trong dự thảo lần thứ ba đáng được đặc biệt lưu ý bao gồm:

- Thay đổi để phản hồi ý kiến về quyền con người của Michael Beloff, theo đó trao cho tất cả VĐV và các cá nhân khác quyền kháng cáo lên CAS.

- Ngoài việc sẵn sàng cho Kiểm tra, các VĐV đã giải nghệ trở lại thi đấu phải đồng ý chịu sự điều chỉnh của các quy định phòng chống doping trong thời gian chờ của họ.
- Thay đổi các định nghĩa về tính độc lập hoạt động của Tổ chức phòng chống doping quốc gia, Tính độc lập hoạt động và Tính độc lập về mặt tổ chức nhằm thúc đẩy tính độc lập và tránh xung đột lợi ích.
- Làm rõ thêm về những việc VĐV được phép làm trong thời gian bị tạm đình chỉ thi đấu hoặc đang chấp hành thời hạn cấm thi đấu, đặc biệt liên quan đến việc làm/việc tuyển dụng với các Bên ký kết hoặc các tổ chức thành viên của họ.
- Không bắt buộc Công bố công khai đối với các trường hợp cá nhân được kết luận không vi phạm hoặc Không có lỗi (trừ trường hợp vụ việc đã được công khai trước đó hoặc cần giải thích các hệ quả). Bắt buộc báo cáo thống kê đối với các trường hợp Không có lỗi (không nêu tên hoặc chi tiết có thể nhận dạng)

Một số thay đổi trong dự thảo lần thứ tư đáng được đặc biệt lưu ý bao gồm:

- Thẩm quyền Kiểm tra của các Tổ chức Sự kiện lớn đã được điều chỉnh trở lại theo thẩm quyền được quy định trong Bộ luật 2021.
- Để phản hồi các Báo cáo Cottier và World Aquatics nhấn mạnh tầm quan trọng của việc Kiểm tra bởi các bên ngoài Tổ chức phòng chống doping quốc gia của chính VĐV, một quy định đã được bổ sung nhằm bảo đảm việc Kiểm tra từ bên ngoài này không bị hạn chế một cách bất hợp lý.
- Quy trình khiếu nại và kháng cáo các quyết định liên quan đến tạm đình chỉ thi đấu đã được điều chỉnh thêm, theo đó việc khiếu nại đối với tạm đình chỉ thi đấu phải được xem xét trước tiên trong quy trình của Tổ chức phòng chống doping trước khi kháng cáo lên CAS. Điều này tạo cơ hội để VĐV khiếu nại việc tạm đình chỉ thi đấu một cách nhanh chóng và bằng ngôn ngữ của mình, đồng thời tạo cơ hội để Tổ chức phòng chống doping xem xét các lập luận của VĐV và, nếu đồng ý, dỡ bỏ tạm đình chỉ thi đấu trước khi quy trình kháng cáo lên CAS được khởi động.
- Một định nghĩa mới về Chuyên gia Rà soát Độc lập giải thích các tiêu chí và quy trình lựa chọn IRE
- Yêu cầu về bằng chứng “phân tích” đáng tin cậy để VĐV có thể giảm thời hạn cấm thi đấu từ bốn năm xuống còn hai năm trong trường hợp họ không thể xác định nguồn gốc của Chất không xác định trong cơ thể đã được thay đổi thành yêu cầu về bằng chứng “khoa học” đáng tin cậy.
- Trong Điều về Nguồn nhiễm bẩn, cụm từ nêu rằng “VĐV tự chịu rủi ro khi sử dụng thực phẩm bổ sung dinh dưỡng và thuốc” đã được sửa để bỏ phần nhắc đến “thuốc”
- Trong các trường hợp mà sau phiên điều trần và kháng cáo đã xác định rằng VĐV không vi phạm quy định phòng chống doping hoặc đã chứng minh Không có lỗi hoặc sơ suất, các trường hợp ngoại lệ đối với yêu cầu phải có sự đồng ý của VĐV để công bố đã được mở rộng để bao gồm cả “các hoàn cảnh thuyết phục khác”.
Yêu cầu trước đây rằng các Liên đoàn quốc tế và Ủy ban Olympic quốc gia phải “bảo đảm” để Tổ chức phòng chống doping quốc gia có đầy đủ thẩm quyền thực hiện công việc của mình đã được sửa thành nghĩa vụ “nỗ lực tối đa”.

Phần sau đây cung cấp bản tóm tắt ngắn gọn theo từng Điều về các thay đổi quan trọng hơn trong dự thảo lần thứ tư của Bộ luật 2027.

Các nguyên tắc, Mục đích, Phạm vi và Tổ chức của Chương trình phòng chống doping thể giới

Các nguyên tắc, Mục đích, Phạm vi

Nội dung về hỗ trợ, giám sát và thực thi việc tuân thủ đã được bổ sung vào phần này của Bộ luật.

“Các ‘nguyên tắc của Bộ luật (Code)’ được thể hiện xuyên suốt toàn bộ nội dung của Bộ luật. Việc đề cập đến ‘Nguyên tắc’ trong phần Giới thiệu của Bộ luật (được bổ sung ở bản dự thảo thứ ba) đã được loại bỏ nhằm tránh bất kỳ sự hiểu lầm nào rằng chỉ những nguyên tắc được nêu trong phần Giới thiệu mới được coi là ‘nguyên tắc của Bộ luật’.”

Cơ sở lý luận nền tảng của Bộ luật Phòng chống Doping Thể giới

Các quy định này đã được cập nhật dựa trên các khuyến nghị từ bộ phận giáo dục và đạo đức của WADA, cùng với sự đóng góp bổ sung từ chuyên gia tư vấn về quyền con người của WADA. Đồng thời, tầm quan trọng của quyền con người cũng được nhấn mạnh hơn trong Bộ luật.

Điều 2: Các hành vi vi phạm quy định phòng, chống doping

Các chú thích số 7 và 10 đối với Điều 2.1.1 và 2.2.2 làm rõ hai điểm.

Thứ nhất, một Vận động viên không thể bị buộc tội sử dụng Chất bị cấm trước khi họ thuộc phạm vi áp dụng của các quy định phòng, chống doping – mặc dù điều đó có thể là cơ sở hợp lệ để từ chối tư cách thành viên của Vận động viên trong tổ chức.

Tuy nhiên, một khi Vận động viên đã thuộc phạm vi điều chỉnh của các quy định phòng, chống doping, thì việc phát hiện sự hiện diện của Chất bị cấm trong Mẫu của họ vẫn cấu thành hành vi vi phạm quy định phòng, chống doping, bất kể việc phát hiện kết quả phân tích bất lợi đó bắt nguồn từ việc chất này đã được sử dụng trước khi Vận động viên chịu sự điều chỉnh của các quy định.

Điều 4.3: Tiêu chí đưa các chất và phương pháp vào Danh mục Cấm

Một chất hoặc phương pháp phải đáp ứng hai trong ba tiêu chí sau để được đưa vào Danh mục Cấm:

- (1) có khả năng nâng cao thành tích thể thao;
- (2) có nguy cơ gây hại cho sức khỏe của Vận động viên; và
- (3) vi phạm tinh thần thể thao.

Từ trước đến nay, việc WADA quyết định có đưa một chất hoặc phương pháp vào danh mục hay không không phải là đối tượng có thể bị khiếu kiện.

Một thay đổi đã được đưa ra nhằm làm rõ rằng việc xác định một chất hoặc phương pháp có đáp ứng các tiêu chí này hay không cũng dựa trên đánh giá của WADA..

Để phản hồi các ý kiến từ các bên liên quan cho rằng việc WADA xác định các Chất và Phương pháp được đưa vào Danh mục Cấm cần dựa trên cơ sở khoa học, quy trình được mô tả tại Điều này đã bổ sung việc tham vấn Nhóm Cố vấn Chuyên gia về Danh mục Cấm của WADA. Đây cũng chính là thực tiễn đang được áp dụng hiện nay.

Điều 4.4: Miễn trừ do điều trị (TUE)

Phần lớn các nội dung chi tiết trong Điều này của Bộ luật đã được chuyển sang Tiêu chuẩn quốc tế về Miễn trừ do điều trị (TUE).

Có một vấn đề mang tính thực chất trong quy trình TUE đã tạo ra nhiều thảo luận, nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết. Đó là câu hỏi liệu có nên có sự linh hoạt hơn, đặc biệt trong việc áp dụng các hậu quả (hình thức xử lý), liên quan đến các TUE hồi tố hay không.

Dựa trên các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, Nhóm soạn thảo Bộ luật đang tiếp tục xem xét mức độ linh hoạt phù hợp trong việc xử phạt đối với các trường hợp vi phạm quy định phòng, chống doping, khi các tiêu chí để được cấp TUE theo Điều 4.2 của Tiêu chuẩn quốc tế về Miễn trừ do điều trị được đáp ứng (nhưng vận động viên không đáp ứng các tiêu chí để được cấp TUE hồi tố).

Mặc dù có sự ủng hộ mạnh mẽ từ các bên liên quan đối với một cơ chế xử phạt mềm dẽo và linh hoạt hơn trong những trường hợp như vậy, Nhóm soạn thảo Bộ luật đang tìm kiếm thêm ý kiến phản hồi về việc cơ chế đó nên được thiết kế như thế nào. Cụ thể là:

1. Việc áp dụng phân tích “lỗi” theo cách thông thường để xác định thời gian cấm thi đấu, trong khoảng từ khiển trách đến hai năm, dường như không phù hợp trong những trường hợp như vậy. Đặc biệt, mức độ lỗi của Vận động viên thường bị đánh giá là cao trong bối cảnh này/theo cách định nghĩa đó, do Vận động viên không đáp ứng các tiêu chí để được cấp TUE hồi tố và thường đơn giản là đã không nộp đơn xin TUE trước.
2. Một phương án tiềm năng là xây dựng một cơ chế xử phạt riêng biệt, độc lập dành cho các trường hợp sử dụng vì mục đích điều trị (tương tự như cơ chế áp dụng cho các Chất bị lạm dụng). Ví dụ, quy định như sau: “Bất kể các quy định khác tại Điều 10.2, nếu Vận động viên có thể chứng minh rằng sự hiện diện, việc Sử dụng hoặc Cố gắng sử dụng hoặc Sở hữu đã đáp ứng các tiêu chí tại Điều 4.2 của Tiêu chuẩn quốc tế về Miễn trừ do điều trị, thì thời gian cấm thi đấu sẽ từ ba (3) đến sáu (6) tháng tùy thuộc vào mức độ lỗi của Vận động viên. Thời gian cấm thi đấu được quy định tại Điều [x] này sẽ không được giảm theo bất kỳ quy định nào tại Điều 10.6.”
3. Một phương án khác là áp dụng một mức xử phạt cố định là 3 tháng trong các trường hợp như vậy (điều này cũng có ưu điểm là đơn giản và không yêu cầu Tổ chức phòng, chống doping hoặc hội đồng xét xử phải mất thời gian đánh giá mức độ lỗi).
4. Nếu không áp dụng bất kỳ hình thức xử phạt nào, có lo ngại rằng điều này trên thực tế sẽ tương đương với việc cấp TUE hồi tố dưới một tên gọi khác (dù thông qua một quy trình khác với quy trình TUE). Điều này có thể làm giảm động lực để Vận động viên nộp đơn xin TUE trước, và các hệ quả tiềm ẩn khác cũng cần được cân nhắc kỹ lưỡng; ví dụ, liệu cách tiếp cận này có tạo áp lực không cần thiết lên các Tổ chức phòng, chống doping/hội đồng xét xử khi phải xác định hồi tố xem các tiêu chí tại Điều 4.2 có được đáp ứng hay không? Ngoài ra, cũng có lo ngại rằng điều này sẽ dẫn đến việc thiết lập một quy trình TUE hồi tố và quy trình xử phạt theo Bộ luật đi kèm vừa phức tạp vừa tốn nhiều thời gian, nhưng cuối cùng lại đạt đến cùng một kết quả. Nếu đây là hướng chính sách mà các bên liên quan mong muốn, thì đặt ra câu hỏi liệu có nên đơn giản hóa bằng cách loại bỏ yêu cầu phải nộp đơn xin TUE trước, và quy định rằng nếu Vận động viên đáp ứng các tiêu chí tại Điều 4.2 thì sẽ được cấp TUE (dù là trước hay hồi tố)?

Sau quá trình thảo luận sâu rộng và cân nhắc ý kiến từ các bên liên quan, nhóm TUE của WADA đã đề xuất giải pháp sau để xử lý các vấn đề nêu trên: Một Điều mới 10.2.4 đã được bổ sung, theo đó áp dụng mức thời gian cấm thi đấu cố định là hai (2) tháng (không được giảm thêm) trong trường hợp Vận động viên có thể chứng minh rằng tại thời điểm sử dụng Chất hoặc Phương pháp bị cấm, việc sử dụng đó đã đáp ứng các tiêu chí TUE được quy định trong Tiêu chuẩn quốc tế về Miễn trừ do điều trị (ngoại trừ yêu cầu phải chứng minh rằng không có phương án điều trị hợp pháp thay thế hợp lý). **Khuyến nghị này đã được chấp nhận và được thể hiện tại Điều 10.2.4.1 trong bản dự thảo thứ ba của Bộ luật 2027.**

Điều 5.2: Thẩm quyền kiểm tra

Điều 5.2.3 đã được sửa đổi nhằm làm rõ rằng đối với các vận động viên tiềm năng chưa thuộc phạm vi thẩm quyền kiểm tra của Tổ chức Sự kiện Lớn, thì Tổ chức Sự kiện Lớn có thể ban hành và thực thi các tiêu chí đủ điều kiện tham dự cho sự kiện của mình, trong đó quy định thời hạn trước khi sự kiện diễn ra mà các vận động viên phải đồng ý tuân thủ các quy định phòng, chống doping của Tổ chức Sự kiện Lớn.

Các thay đổi được đề xuất trong phiên bản 3.0 đã bị bác bỏ, và thay vào đó giữ nguyên cách diễn đạt trong Bộ luật 2021, do được đánh giá là đã vận hành hiệu quả. Cụ thể, các Tổ chức Sự kiện Lớn sẽ có thẩm quyền kiểm tra ngoài thi đấu đối với các Vận động viên đã đăng ký tham dự một sự kiện sắp tới của họ, hoặc những người đã được đặt dưới thẩm quyền kiểm tra của Tổ chức Sự kiện Lớn.

Điều 5.2.7: Theo các khuyến nghị trong báo cáo của Hiệp hội World Aquatics và Báo cáo Cottier, kêu gọi tăng cường việc kiểm tra Vận động viên bởi các Tổ chức phòng, chống doping ngoài Cơ quan phòng, chống doping quốc gia của họ, một Điều mới 5.2.7 đã được bổ sung nhằm đảm bảo rằng hoạt động kiểm tra do các tổ chức khác ngoài NADO thực hiện không bị hạn chế một cách không cần thiết.

Điều 5.6: Vận động viên đã giải nghệ quay trở lại thi đấu

Các sửa đổi tại Điều 5.6.1 và 5.6.2 làm rõ rằng, ngoài việc sẵn sàng tham gia kiểm tra, các Vận động viên đã giải nghệ khi quay trở lại thi đấu cũng phải đồng ý tuân thủ các quy định phòng, chống doping áp dụng.

Ngoài ra, một chú thích tại Điều 5.6.2 đã được bổ sung, trong đó nêu rõ rằng không có quy định nào trong Bộ luật ngăn cản một tổ chức thể thao ban hành và thực thi các quy định về điều kiện tham gia, cho phép tổ chức đó từ chối hoặc thu hồi tư cách thành viên của một Vận động viên đã có hành vi trong thời gian giải nghệ mà nếu hành vi đó xảy ra trong thời gian người đó chịu sự điều chỉnh của các quy định phòng, chống doping thì sẽ cấu thành vi phạm quy định phòng, chống doping.

Điều 6.2: Phân tích Mẫu và đánh giá dữ liệu phân tích phục vụ mục đích phòng, chống doping

Các phòng thí nghiệm được phép phân tích mẫu và dữ liệu nhằm phục vụ mục đích phòng, chống doping. Mặc dù không coi đây là một yêu cầu bắt buộc, ý kiến tư vấn về quyền con người của Michael Beloff cho rằng việc mô tả các loại hình phân tích phòng thí nghiệm được xem là “phục vụ mục đích phòng, chống doping” nên được tập hợp tại một nơi duy nhất. Điều này đã được thực hiện thông qua việc tái cấu trúc các Điều 6.2 và 6.3.

Điều 6.3: Nghiên cứu trên Mẫu

Việc nghiên cứu trên mẫu của Vận động viên phải luôn được ẩn danh theo cách không thể truy ngược mẫu đó về một Vận động viên cụ thể. Ngay cả trong trường hợp đó, sự đồng ý của Vận động viên đối với việc sử dụng mẫu của họ cho mục đích nghiên cứu vẫn được yêu cầu trong một số trường hợp hạn chế. Các sửa đổi tại Điều này đã làm rõ hơn và đưa ra các ví dụ cụ thể về những trường hợp đó.

Điều 6.5: Phân tích bổ sung đối với Mẫu trước hoặc trong quá trình quản lý kết quả

Điều này đã được sửa đổi nhằm làm rõ rằng phòng thí nghiệm có thể tiến hành phân tích lặp lại hoặc phân tích bổ sung đối với một mẫu trước thời điểm Cơ quan quản lý kết quả (RMA) thông báo cho Vận động viên rằng mẫu đó là căn cứ cho việc buộc tội vi phạm quy định phòng, chống doping, hoặc sau khi vụ việc đã được giải quyết cuối cùng. Trong khoảng thời gian từ khi Vận động viên bị buộc tội đến khi vụ việc kết thúc, việc phân tích bổ sung đối với mẫu chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của Vận động viên hoặc được hội đồng xét xử chấp thuận..

Điều 7.1.6: Trách nhiệm thực hiện quản lý kết quả đối với vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin nơi ở (whereabouts)

Thông thường, việc quản lý kết quả đối với các vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin nơi ở (whereabouts) được thực hiện bởi Tổ chức phòng, chống doping mà Vận động viên nộp thông tin whereabouts của mình. Một ngoại lệ đối với nguyên tắc chung này đã được bổ sung tại Điều 7.1.6, theo đó nếu một lần kiểm tra dẫn đến việc phát hiện một khả năng vi phạm nghĩa vụ whereabouts, thì việc quản lý kết quả đối với vi phạm tiềm tàng đó sẽ do Tổ chức phòng, chống doping đã khởi xướng việc kiểm tra thực hiện, trừ khi hai Tổ chức phòng, chống doping có thỏa thuận khác.

Điều 7.4: Tạm đình chỉ

Theo Bộ luật hiện hành, các bên liên quan đã chỉ ra khó khăn trong việc thực hiện quy trình quản lý kết quả và áp dụng tạm đình chỉ đối với các Chất bị lạm dụng, khi thời gian cấm thi đấu (kèm điều trị) chỉ là một tháng. Trong bản dự thảo này, quy định bắt buộc áp dụng tạm đình chỉ đối với các Kết quả phân tích bất lợi (Adverse Analytical Findings) và Kết quả hộ chiếu sinh học bất lợi (Adverse Passport Finding) đối với các chất không phải là chất được chỉ định (Non-Specified Substances) sẽ không áp dụng đối với các Chất bị lạm dụng.

Khi một quyết định tạm đình chỉ do Tổ chức Sự kiện Lớn áp dụng không kéo dài đến hết sự kiện hoặc không có giá trị ràng buộc đối với các Bên ký khác theo Điều 15.1.4, thì sửa đổi tại Điều 15.2 quy định rằng Cơ quan quản lý kết quả (RMA) phải nhanh chóng tự đưa ra quyết định về việc có áp dụng tạm đình chỉ hay không..

Theo sửa đổi, Điều 7.4.1 hiện quy định rằng việc tạm đình chỉ bắt buộc sẽ được Cơ quan quản lý kết quả (RMA) áp dụng khi người liên quan lần đầu được thông báo về khả năng vi phạm quy định phòng, chống doping. Biện pháp này có thể được chính RMA dỡ bỏ dựa trên lập luận có cơ sở vững chắc của người đó rằng vi phạm liên quan đến Nguồn bị nhiễm (Contaminated Source) hoặc các yếu tố liên quan khác, ví dụ như khi thời gian đã chấp hành tạm đình chỉ vượt quá thời gian cấm thi đấu có khả năng sẽ được áp dụng đối với vi phạm đó. Sau khi một cơ quan xét xử đã quyết định không dỡ bỏ việc tạm đình chỉ, thì chỉ cơ quan xét xử đó mới có thể, trên cơ sở thông tin mới, quyết định dỡ bỏ.

Ngoại lệ đối với quy định trên là: khi việc tạm đình chỉ do Tổ chức Sự kiện Lớn áp dụng vẫn còn hiệu lực cho đến hết sự kiện, thì việc tạm đình chỉ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi sự kiện kết thúc, và yêu cầu dỡ bỏ tạm đình chỉ có thể được gửi tới hoặc được xem xét bởi Liên đoàn quốc tế có thẩm quyền hoặc cơ quan xét xử của liên đoàn đó..

Điều 7.4.1: Tạm đình chỉ bắt buộc sau khi có Kết quả phân tích bất lợi hoặc Kết quả hộ chiếu sinh học bất lợi

Các căn cứ để dỡ bỏ việc tạm đình chỉ bắt buộc đã được mở rộng, từ việc chỉ chứng minh Nguồn bị nhiễm sang bao gồm cả: khả năng kết luận không có vi phạm quy định phòng, chống doping; không có lỗi hoặc không có sơ suất; hoặc trường hợp thời gian Vận động viên đã chấp hành tạm đình chỉ vượt quá thời gian cấm thi đấu được nêu trong văn bản buộc tội đối với vi phạm quy định phòng, chống doping.

Điều 7.4.3 và 13.2.2: Kháng cáo lên Tòa Trọng tài Thể thao (CAS) của Vận động viên và các cá nhân khác

WADA đã thuê Michael Beloff, một chuyên gia về quyền con người, để rà soát một số nội dung của Bộ luật liên quan đến các vấn đề về quyền con người. Trong ý kiến của mình, ông Beloff kết luận rằng theo nguyên tắc “bình đẳng về phương tiện” (equality of arms), nếu — trong số các yếu tố khác — WADA có quyền kháng cáo cuối cùng lên CAS, thì tất cả các Vận động viên và các cá nhân khác cũng phải có quyền tương tự.

Ý kiến của ông áp dụng cho cả việc kháng cáo về nội dung vụ việc (merits) và việc khiếu kiện đối với quyết định tạm đình chỉ. Việc đưa các nguyên tắc về quyền con người do ông Beloff xác định liên quan đến quyền kháng cáo lên CAS vào Bộ luật có thể ảnh hưởng đến nguồn lực, cả tài chính và các nguồn lực khác, của các Tổ chức phòng, chống doping quốc gia, WADA và các Bên ký quốc tế khác nếu họ lựa chọn tham gia vào quá trình kháng cáo tại CAS.

Vấn đề này chỉ có thể được xử lý sau khi nhận được ý kiến của ông Beloff, trong khi thời điểm đó lại diễn ra khá lâu sau khi kết thúc giai đoạn tham vấn thứ hai. Nhóm soạn thảo Bộ luật đã xem xét tất cả các phương án, có tính đến yêu cầu phải đảm bảo mọi Vận động viên đều có quyền kháng cáo cả quyết định cuối cùng và quyết định tạm đình chỉ lên CAS.

Các yếu tố quan trọng đã được cân nhắc bao gồm: tránh trì hoãn việc giải quyết dứt điểm các vụ việc; nhu cầu giải quyết nhanh các khiếu kiện liên quan đến quyết định tạm đình chỉ; tác động đến nguồn lực của các Tổ chức phòng, chống doping quốc gia, WADA, các Bên ký quốc tế khác và cả Vận động viên; cũng như việc phối hợp các thủ tục tố tụng diễn ra đồng thời một cách hiệu quả.

Bản dự thảo thứ ba của Bộ luật 2027 đề xuất cách tiếp cận như sau::

Kháng cáo về nội dung vụ việc (Article 13):

- Các Vận động viên cấp độ quốc tế vẫn giữ quyền kháng cáo trực tiếp các quyết định của hội đồng xét xử lên CAS. WADA và các Bên ký quốc tế khác cũng giữ quyền tương tự.
- Các Vận động viên và cá nhân khác vẫn giữ quyền kháng cáo các quyết định của hội đồng xét xử lên cơ quan kháng cáo cấp quốc gia – đồng thời họ có thêm quyền mới là kháng cáo quyết định của cơ quan này lên CAS. WADA và các Bên ký quốc tế khác cũng giữ các quyền tương tự.

Kháng cáo đối với quyết định tạm đình chỉ (Điều 7.4.3):

- Các Vận động viên quốc tế được trao quyền kháng cáo lên CAS đối với quyết định của hội đồng xét xử về việc không dỡ bỏ tạm đình chỉ. WADA và các Bên ký quốc tế khác tiếp tục có quyền kháng cáo lên CAS để khiếu kiện quyết định của Tổ chức phòng, chống doping về việc không áp dụng hoặc dỡ bỏ tạm đình chỉ, cũng như quyết định của hội đồng xét xử về việc dỡ bỏ tạm đình chỉ.
- Các vận động viên và Người khác: Do việc xác định nhanh chóng tình trạng tạm đình chỉ của Vận động viên là rất quan trọng, nên không hợp lý khi áp dụng quy trình ba cấp (hội đồng xét xử, cơ quan kháng cáo cấp quốc gia và CAS) vốn áp dụng cho các quyết định cuối cùng đối với các Vận động viên không thuộc cấp độ quốc tế. Bản dự thảo thứ ba của Bộ luật 2027 quy định rằng, tương tự như các Vận động viên cấp độ quốc tế, tất cả các Vận động viên đều có quyền kháng cáo trực tiếp các quyết định về tạm đình chỉ lên CAS. WADA và các bên liên quan quốc tế khác cũng giữ quyền tương tự.

Để tránh việc trì hoãn giải quyết dứt điểm các vụ việc chính, nội dung đã được bổ sung vào Điều 7.4.3 quy định rằng việc kháng cáo quyết định tạm đình chỉ lên CAS sẽ không được chấp nhận như là căn cứ để trì hoãn việc giải quyết vụ việc liên quan. Quyền của WADA trong việc tham gia vào các vụ kháng cáo tại CAS do Vận động viên và các cá nhân khác thực hiện cũng đã được làm rõ hơn..

Quy trình khiếu kiện và kháng cáo các quyết định liên quan đến tạm đình chỉ đã được điều chỉnh thêm nhằm đảm bảo rằng Vận động viên có cơ hội để yêu cầu xem xét việc tạm đình chỉ trong khuôn khổ quy trình của Tổ chức phòng, chống doping (ADO) trước khi đưa vụ việc lên CAS. Điều này giúp Vận động viên có thể nhanh chóng khiếu kiện quyết định tạm đình chỉ bằng ngôn ngữ của mình, đồng thời tạo cơ hội cho ADO xem xét các lập luận của Vận động viên và, nếu đồng ý, có thể dỡ bỏ tạm đình chỉ trước khi quy trình tại CAS được khởi động. Cách tiếp cận này nhận được sự ủng hộ từ cả Vận động viên và các Tổ chức phòng, chống doping.

Điều 7.7. Nghi thi đấu

Ngoài các quy định mới tại Điều 5.6 đã nêu ở trên, một quy định bổ sung cũng đã được thêm vào Điều 7.7, theo đó khi một Vận động viên đã giải nghệ hoặc một cá nhân khác can thiệp vào quá trình quản lý kết quả đang diễn ra đối với một vi phạm quy định phòng, chống doping mà họ đã bị buộc tội, thì Vận động viên hoặc cá nhân đó vẫn sẽ chịu sự điều chỉnh của tất cả các Bên ký có liên quan đối với hành vi Can thiệp theo Điều 2.5..

Điều 7.8: Các vụ việc thuộc diện xem xét bởi Chuyên gia rà soát độc lập

Điều này là một Điều hoàn toàn mới, được xây dựng dựa trên các khuyến nghị của Công tố viên độc lập Eric Cottier và đã được Ủy ban Điều hành WADA phê duyệt về mặt nguyên tắc. Tóm lại, Điều này quy định rõ rằng khi một Tổ chức phòng, chống doping (ADO) nhận được báo cáo về Kết quả phân tích bất lợi (Adverse Analytical Finding), và không có dấu hiệu sai lệch so với Tiêu chuẩn quốc tế về Kiểm tra (International Standard for Testing) hoặc Tiêu chuẩn quốc tế về Phòng thí nghiệm (International Standard for Laboratories), và Vận động viên không có Miễn trừ do điều trị (TUE), thì ADO không thể đơn giản đóng vụ việc mà không thông báo cho Vận động viên và không thực hiện đầy đủ quy trình quản lý kết quả. Trong các trường hợp này: Vận động viên phải được thông báo; Trước khi đóng vụ việc, ADO phải gửi yêu cầu xin ý kiến của Chuyên gia rà soát độc lập, đồng thời gửi bản sao cho WADA; Sau khi xem xét hồ sơ và các thông tin cần thiết khác, Chuyên gia rà soát độc lập sẽ đưa ra ý kiến và khuyến nghị bằng văn bản gửi cho ADO (đồng thời gửi bản sao cho WADA), trong đó tư vấn liệu có hợp lý khi không thực hiện quy trình quản lý kết quả theo thông thường trong hoàn cảnh cụ thể của vụ việc hay không; Sau khi nhận được ý kiến và khuyến nghị của Chuyên gia rà soát độc lập, ADO sẽ ban hành quyết định bằng văn bản về việc tiếp tục thực hiện quy trình quản lý kết quả thông thường hay hủy bỏ Kết quả phân tích bất lợi; Bản sao quyết định của ADO, cùng với ý kiến và khuyến nghị của Chuyên gia rà soát độc lập, sẽ được cung cấp cho các bên khác có quyền kháng cáo quyết định này, và việc kháng cáo sẽ được thực hiện trực tiếp lên CAS; Trong trường hợp ADO hủy bỏ một vụ việc liên quan đến Kết quả phân tích bất lợi mà không xin ý kiến của Chuyên gia rà soát độc lập, hoặc không tiếp tục thực hiện quy trình quản lý kết quả thông thường trái với ý kiến và khuyến nghị của Chuyên gia này, và sau đó có kết luận qua kháng cáo rằng đã có vi phạm quy định phòng, chống doping, thì theo Điều 24 của Bộ luật và Tiêu chuẩn quốc tế về tuân thủ Bộ luật của các Bên ký, ADO có thể bị áp dụng các biện pháp xử lý do không tuân thủ, đồng thời phải hoàn trả chi phí và các khoản phí pháp lý hợp lý cho các bên kháng cáo phát sinh trong quá trình kháng cáo. Điều này phải được đưa vào quy định của mỗi Bên ký mà không được sửa đổi (Điều 23.2.2). Thông tin chi tiết hơn về quy trình liên quan đến Chuyên gia rà soát độc lập được quy định trong Tiêu chuẩn quốc tế về Quản lý kết quả..

Một số nội dung chi tiết trong Điều này đã được chuyển sang Tiêu chuẩn quốc tế về Quản lý kết quả. Ngoài ra, Điều 7.8.1.2 quy định rằng, bên cạnh WADA, mỗi bên khác có quyền kháng cáo đối với quyết định của Tổ chức phòng, chống doping về việc không tiếp tục xử lý vụ việc cũng phải được cung cấp bản sao yêu cầu của Tổ chức phòng, chống doping gửi tới Chuyên gia rà soát độc lập để xin ý kiến..

Để giải đáp các câu hỏi của các bên liên quan về việc Chuyên gia rà soát độc lập (IRE) sẽ là ai và được lựa chọn như thế nào, một định nghĩa mới về Chuyên gia rà soát độc lập đã được bổ sung vào Bộ luật.

Ngoài ra, một chú thích cũng được bổ sung nhằm làm rõ rằng, bất kể quy trình liên quan đến IRE, yêu cầu áp dụng tạm đình chỉ bắt buộc khi thông báo cho Vận động viên vẫn phải được tuân thủ..

Điều 10.2: Khung xử phạt đối với hành vi có mặt, sử dụng, cố gắng sử dụng hoặc sở hữu (theo Điều 10.2)

Cơ chế cơ bản theo Bộ luật hiện hành như sau:

- Các chất và phương pháp không được chỉ định:

- Thời gian cấm thi đấu 4 năm, trừ khi Vận động viên có thể chứng minh rằng việc sử dụng là không cố ý. (Cố ý được định nghĩa là Vận động viên biết rằng hành vi đó cấu thành vi phạm quy định phòng, chống doping hoặc biết rằng có nguy cơ đáng kể hành vi đó sẽ cấu thành vi phạm.)
- Thời gian cấm thi đấu 2 năm nếu Vận động viên chứng minh được việc sử dụng là không cố ý.
- Các chất hoặc phương pháp được chỉ định. (ngoại trừ các quy định đặc biệt đối với các Chất bị lạm dụng và các chất chỉ bị cấm trong thi đấu).
- 4 năm nếu Cơ quan quản lý kết quả (RMA) chứng minh được việc sử dụng là cố ý.
- 2 năm nếu RMA không chứng minh được việc sử dụng là cố ý.

Để được áp dụng mức thời gian cấm thi đấu dưới 2 năm, Vận động viên trước đây và hiện nay vẫn phải chứng minh Không có lỗi hoặc không có sơ suất (No Fault or Negligence), hoặc Không có lỗi hoặc sơ suất đáng kể (No Significant Fault or Negligence). Cả hai trường hợp đều yêu cầu Vận động viên phải xác định được nguồn gốc của chất bị cấm trong cơ thể mình, ngoại trừ đối với Người được bảo vệ (Protected Persons) và Vận động viên giải trí (Recreational Athletes).

Kể từ khi Bộ luật 2021 được áp dụng, đã có nhiều câu hỏi được đặt ra: Liệu thời gian cấm thi đấu có nên khác nhau giữa trường hợp Vận động viên chỉ hành động liều lĩnh (reckless) so với trường hợp cố ý vi phạm? Vận động viên có thể chứng minh việc sử dụng là không cố ý mà không cần xác định nguồn gốc chất bị cấm trong cơ thể hay không? Những yếu tố nào cần được xem xét khi xác định nguồn gốc của chất bị cấm? Khi phân tích các tình tiết của một vụ việc cụ thể, cần xem xét mức độ lỗi của Vận động viên theo thứ tự như thế nào để xác định việc sử dụng là cố ý, liều lĩnh, hay thuộc trường hợp không có lỗi đáng kể hoặc không có lỗi? Những vấn đề này đặc biệt nổi bật trong các trường hợp Vận động viên cố gắng chứng minh rằng Kết quả phân tích bất lợi xuất phát từ Nguồn bị nhiễm.

Trong bản dự thảo đầu tiên của Bộ luật 2027, sự khác biệt về nghĩa vụ chứng minh việc sử dụng không cố ý giữa các chất/phương pháp không được chỉ định và các chất/phương pháp được chỉ định vẫn được giữ nguyên. Các ngoại lệ đối với Chất bị lạm dụng và các chất chỉ bị cấm trong thi đấu cũng không thay đổi. Quy định đặc biệt đối với Người được bảo vệ và Vận động viên giải trí — không yêu cầu phải xác định nguồn gốc chất bị cấm trong cơ thể — cũng được giữ nguyên. Tuy nhiên, bản dự thảo này đưa ra hai điểm phân biệt mới: (1) liệu hành vi vi phạm là do liều lĩnh (reckless) hay cố ý (intentional); (2) liệu Vận động viên có thể xác định được cách mà chất bị cấm đã xâm nhập vào cơ thể hay không. Cơ chế xử phạt mới được đề xuất như sau:

10.2.1. Các chất hoặc phương pháp không được chỉ định và Vận động viên có thể xác định được cách Chất bị cấm xâm nhập vào cơ thể mình

- Thời gian cấm thi đấu 4 năm, trừ khi Vận động viên có thể chứng minh rằng việc sử dụng là không cố ý.
- Thời gian cấm thi đấu 3 năm trong trường hợp Vận động viên có thể chứng minh rằng việc sử dụng là do bất cẩn nghiêm trọng nhưng không cố ý.
- Thời gian cấm thi đấu 2 năm trong trường hợp Vận động viên có thể chứng minh rằng việc sử dụng không phải do bất cẩn nghiêm trọng cũng không phải là cố ý.
- Thời gian cấm thi đấu từ 0 đến 2 năm nếu Vận động viên có thể chứng minh không có lỗi hoặc không có sơ suất đáng kể.
Không áp dụng thời gian cấm thi đấu nếu Vận động viên có thể chứng minh không có lỗi hoặc không có sơ suất.
- sơ suất.

10.2.2. Các chất hoặc phương pháp không được chỉ định và Vận động viên KHÔNG thể xác định được cách Chất bị cấm xâm nhập vào cơ thể mình

- Thời gian cấm thi đấu 4 năm là mức xử phạt mặc định.
- Thời gian cấm thi đấu 3 năm trong trường hợp đặc biệt, khi Vận động viên có thể chứng minh một cách thuyết phục đối với cơ quan ra quyết định rằng, dựa trên bằng chứng phân tích đáng tin cậy, hành vi vi phạm quy định phòng, chống doping không phù hợp với việc sử dụng chất bị cấm một cách cố ý. Chú thích 63 đưa ra các ví dụ về những gì được và không được coi là bằng chứng phân tích đáng tin cậy.
- Không được giảm mức xử phạt dựa trên việc không có lỗi hoặc không có sơ suất đáng kể, hoặc không có lỗi hoặc không có sơ suất, khi Vận động viên không thể xác định được nguồn gốc của Chất bị cấm.

Khi áp dụng các quy định trên, Chú thích 60 nêu rõ rằng trước khi xem xét việc có áp dụng “không có lỗi hoặc không có sơ suất đáng kể” hay “không có lỗi hoặc không có sơ suất”, cơ quan ra quyết định phải trước tiên xác định xem, trong trường hợp liên quan đến chất không được chỉ định, Vận động viên đã đáp ứng nghĩa vụ chứng minh rằng hành vi vi phạm là không cố ý hay chưa.

10.2.3. Các chất hoặc phương pháp được chỉ định và Vận động viên có thể xác định được cách Chất bị cấm xâm nhập vào cơ thể mình

- Thời gian cấm thi đấu 4 năm nếu Cơ quan quản lý kết quả (RMA) có thể chứng minh rằng việc sử dụng là cố ý.
- Thời gian cấm thi đấu 3 năm nếu Cơ quan quản lý kết quả (RMA) có thể chứng minh rằng việc sử dụng là do bất cẩn nghiêm trọng.
- Thời gian cấm thi đấu 2 năm nếu Cơ quan quản lý kết quả (RMA) không thể chứng minh rằng việc sử dụng là cố ý hoặc do bất cẩn nghiêm trọng.
- Gánh nặng chứng minh vẫn thuộc về Vận động viên nếu muốn được giảm thêm mức xử phạt dựa trên việc không có lỗi hoặc không có sơ suất đáng kể hoặc không có lỗi hoặc không có sơ suất.

Cách tiếp cận linh hoạt hơn đối với các vi phạm theo Điều 10.2 như đã nêu ở trên đã được đa số các bên liên quan đón nhận tích cực, do đó không có thay đổi nội dung đáng kể nào trong bản dự thảo thứ hai. Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng phần văn bản của Bộ luật thể hiện các nguyên tắc này khá phức tạp. Để khắc phục, nội dung của Điều này đã được sửa đổi đáng kể nhằm xử lý riêng biệt từng loại tình huống thực tế khác nhau.

Các thay đổi nội dung chính được bổ sung tại Điều 10.2.1 và 10.2.2 như sau (trước đây chưa được đưa vào):

10.2.1 Các chất hoặc phương pháp không được chỉ định

Đối với các vi phạm Điều 2.1 hoặc 2.2 liên quan đến chất hoặc phương pháp không được chỉ định, thời gian cấm thi đấu có thể được giảm như sau:

10.2.1.1 Khi Vận động viên có thể xác định được cách Chất bị cấm xâm nhập vào cơ thể và chứng minh rằng vi phạm không phải là cố ý, thì thời gian cấm thi đấu là hai (2) năm.

10.2.1.2 Khi Vận động viên không thể chứng minh rằng vi phạm không phải là cố ý, nhưng có thể xác định được cách Chất bị cấm xâm nhập vào cơ thể và chứng minh rằng hoàn cảnh sử dụng không liên quan đến việc nâng cao thành tích thể thao, thì thời gian cấm thi đấu là ba (3) năm.

10.2.1.3 Khi Vận động viên không thể xác định được cách Chất bị cấm xâm nhập vào cơ thể, nhưng trong những trường hợp đặc biệt có thể chứng minh một cách thuyết phục đối với cơ quan ra quyết định rằng, dựa trên bằng chứng phân tích đáng tin cậy, hành vi vi phạm không phù hợp với

việc sử dụng chất bị cấm một cách cố ý, thì thời gian cấm thi đấu có thể được giảm xuống còn ba (3) năm.

10.2.1.4 Đối với các vi phạm phát sinh từ Kết quả phân tích bất lợi đối với một chất chỉ bị cấm trong thi đấu, và Vận động viên có thể chứng minh rằng Chất bị cấm đã được sử dụng ngoài thi đấu trong bối cảnh không liên quan đến việc nâng cao thành tích thể thao, thì thời gian cấm thi đấu là hai (2) năm.

(Chi tiết thay đổi này trước đây chưa được nêu rõ trong Bản tóm tắt các thay đổi chính của dự thảo thứ hai.)

Ngoài ra, ba khoản mới đã được bổ sung vào Điều 10.2:

Điều 10.2.4: quy định về các tình huống đặc thù liên quan đến TUE như đã đề cập tại Điều 4.4.

Điều 10.2.5: quy định về sự khác biệt trong nghĩa vụ chứng minh và thời gian cấm thi đấu đối với hành vi Sờ hữu liên quan đến chất không được chỉ định và chất được chỉ định.

Điều 10.2.6: tái đưa vào định nghĩa đặc biệt về “cố ý” từ Bộ luật 2021, được sử dụng để xác định thời gian cấm thi đấu theo các quy định khác nhau của Điều 10.2.

Cơ chế xử phạt được quy định trong bản dự thảo thứ hai của Bộ luật về cơ bản vẫn được giữ nguyên. Phần lớn các sửa đổi trong bản dự thảo thứ ba là nhằm làm rõ, để phản hồi các câu hỏi do các bên liên quan đặt ra. Một điểm làm rõ quan trọng liên quan đến việc xác định những “thời gian cấm thi đấu áp dụng trong các trường hợp khác” nào có thể tiếp tục được tạm hoãn khi có Hỗ trợ đáng kể (Substantial Assistance) hoặc khi cung cấp Thông tin có giá trị khác (Other Valuable Information).

Sau khi xem xét lại và dựa trên ý kiến của chuyên gia về quyền con người Michael Beloff, thời gian cấm thi đấu theo Điều 10.2.1.3 đã được giảm xuống còn 2 năm. (Chi tiết thay đổi này trước đây chưa được nêu trong Bản tóm tắt các thay đổi chính của dự thảo thứ hai.)

Điều 10.2.1.3: Điều này quy định rằng, ngay cả khi Vận động viên không thể xác định được nguồn gốc của Chất không được chỉ định trong cơ thể mình, họ vẫn có thể giảm thời gian cấm thi đấu từ bốn năm xuống còn hai năm nếu có thể chứng minh, dựa trên bằng chứng “khoa học”, rằng hành vi vi phạm quy định phòng, chống doping (ADRV) không phù hợp với việc sử dụng Chất bị cấm một cách cố ý. Thay đổi ở đây là bản dự thảo Bộ luật trước đó sử dụng thuật ngữ “bằng chứng phân tích đáng tin cậy”.

Điều 10.2.4: Các Chất bị lạm dụng

Mặc dù các phản hồi từ các bên liên quan về cách xử lý đối với các Chất bị lạm dụng theo Bộ luật 2021 nhìn chung là tích cực, vẫn có một số câu hỏi được đặt ra trong các lĩnh vực sau:

- Thời gian cấm thi đấu tiềm năng một tháng không tạo đủ thời gian để Cơ quan quản lý kết quả (RMA) đánh giá và xử lý một vụ việc.
- Việc yêu cầu Vận động viên phải “hoàn thành” một chương trình đối với Chất bị lạm dụng để được giảm thời gian cấm thi đấu từ 3 tháng xuống còn 1 tháng là không khả thi về mặt tổ chức thực hiện.
- Việc yêu cầu tham gia một chương trình đối với Chất bị lạm dụng là quá mức cần thiết đối với nhiều trường hợp vi phạm lần đầu.
- Trong một số trường hợp, chẳng hạn như việc vô tình sử dụng trà coca, thì việc yêu cầu tham gia chương trình phục hồi để được giảm thời gian cấm thi đấu là hoàn toàn không phù hợp.
- Nhiều bên liên quan vẫn cho rằng việc phải xử lý các vấn đề liên quan đến phục hồi (rehabilitation) hoàn toàn nằm ngoài phạm vi chuyên môn của họ.

Xét đến các lo ngại nêu trên, bản dự thảo đầu tiên của Bộ luật mới áp dụng cách tiếp cận như sau:

- Thời gian cấm thi đấu cố định là hai (2) tháng đối với vi phạm lần đầu. Không có yêu cầu phải tham gia chương trình phục hồi hoặc cơ hội giảm nhẹ đối với vi phạm lần đầu.
- Đối với vi phạm lần thứ hai liên quan đến cùng một Chất bị lạm dụng, thời gian cấm thi đấu là bốn (4) tháng, có thể được giảm xuống còn hai (2) tháng nếu Vận động viên “tham gia” một chương trình đối với Chất bị lạm dụng. Cơ quan quản lý kết quả (RMA) cũng có thể, theo quyết định của mình, áp dụng thời gian cấm thi đấu hai (2) tháng nếu xác định rằng không cần thiết phải tham gia chương trình điều trị (ví dụ: trường hợp sử dụng trà coca).

Được soạn thảo lại và hiện là Điều 10.2.3, nhưng không có thay đổi nội dung đáng kể.

Điều này trước đây quy định rằng khi một Chất bị lạm dụng được sử dụng trong thi đấu, nhưng Vận động viên có thể chứng minh rằng việc sử dụng không liên quan đến việc nâng cao thành tích thể thao, thì thời gian cấm thi đấu được áp dụng là từ một (1) đến hai (2) năm. Trong bản dự thảo thứ ba, khoảng thời gian này đã được điều chỉnh thành từ sáu (6) tháng đến hai (2) năm.

Để phản hồi các ý kiến từ bộ phận khoa học của WADA, một chú thích đã được bổ sung liên quan đến mức xử phạt hai (2) tháng đối với vi phạm lần đầu về Chất bị lạm dụng xảy ra ngoài thi đấu và không liên quan đến thể thao. Mặc dù Bộ luật không yêu cầu việc áp dụng thời gian cấm thi đấu hai tháng đối với vi phạm lần đầu phải gắn với việc Vận động viên hoặc cá nhân khác tham gia chương trình điều trị, nhưng trong phần chú thích đã đưa ra hướng dẫn cho các Tổ chức phòng, chống doping rằng, trong phạm vi chuyên môn và nguồn lực của mình, họ nên xem xét ban hành các chính sách nhằm khuyến khích và tạo điều kiện để Vận động viên và các cá nhân khác được đánh giá y tế sau vi phạm lần đầu và, nếu được khuyến nghị, tham gia chương trình điều trị hoặc phục hồi phù hợp.

Điều 10.3.2: Xử phạt và quản lý kết quả đối với vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin nơi ở (whereabouts)

Mức xử phạt đối với vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin nơi ở theo Điều 2.4 là hai (2) năm, có thể được giảm xuống tối thiểu một (1) năm, tùy thuộc vào việc Vận động viên có thể chứng minh các tình tiết làm giảm mức độ lỗi của mình hay không. Các sửa đổi tại Điều này làm rõ rằng mức độ lỗi sẽ được đánh giá như nhau đối với cả ba lần vi phạm nghĩa vụ whereabouts, với kỳ vọng rằng Vận động viên phải nâng cao mức độ cảnh giác sau lần vi phạm thứ nhất và thứ hai.

Điều 7.1.6 làm rõ Tổ chức phòng, chống doping (ADO) nào có trách nhiệm khởi xướng việc xử lý vi phạm quy định phòng, chống doping phát sinh từ việc không nộp thông tin (filing failure) hoặc bỏ lỡ kiểm tra (missed test). Khi một lần không nộp thông tin dẫn đến khả năng vi phạm theo Điều 2.4, việc quản lý kết quả đối với vi phạm đó sẽ do ADO mà Vận động viên nộp thông tin whereabouts tại thời điểm xảy ra vi phạm thực hiện. Khi một lần bỏ lỡ kiểm tra dẫn đến khả năng vi phạm theo Điều 2.4, việc xử lý vi phạm sẽ do ADO đã yêu cầu tiến hành kiểm tra thực hiện.

Điều 10.6.1.2: Nguồn bị nhiễm (Contaminated Source)

Điều của Bộ luật trước đây với số hiệu này quy định về khả năng giảm thời gian cấm thi đấu đối với các vi phạm quy định phòng, chống doping liên quan đến “Sản phẩm bị nhiễm” (Contaminated Products). Khái niệm mới “Nguồn bị nhiễm” có phạm vi rộng hơn, bao gồm các nguồn gây nhiễm như thực phẩm hoặc đồ uống, ô nhiễm môi trường, hoặc việc tiếp xúc với bên thứ ba hay vật thể đã bị bên thứ ba chạm vào.

Định nghĩa về Nguồn bị nhiễm cũng đã được làm rõ thêm, theo đó trong các trường hợp nhiễm qua tiếp xúc vật lý, phải chứng minh rằng Vận động viên không có cơ sở để nghi ngờ rằng bên thứ ba đã gây nhiễm cho mình có sử dụng, sở hữu hoặc đã tiếp xúc với Chất bị cấm.

Bản dự thảo trước đây quy định rằng Vận động viên phải tự chịu rủi ro khi sử dụng “thực phẩm bổ sung và thuốc”. Cụm từ “thuốc” trong ngữ cảnh này đã được loại bỏ.

Điều 10.7.1: Hỗ trợ đáng kể (Substantial Assistance)

Có sự ủng hộ rộng rãi từ các bên liên quan, đặc biệt là các bên có đơn vị điều tra, đối với việc mở rộng phạm vi áp dụng của Điều 10.7.1. Các ý kiến cho rằng hiệu quả của Điều này bị hạn chế bởi yêu cầu rằng sự hỗ trợ đáng kể phải “dẫn đến” việc áp dụng biện pháp xử lý hình sự hoặc kỷ luật. Yêu cầu này đã được loại bỏ. Một quy định cũng được bổ sung cho phép Cơ quan quản lý kết quả (RMA) tạm hoãn một phần nhỏ hơn của thời gian cấm thi đấu trong quyết định ban đầu và, sau khi xem xét lại giá trị của thông tin đã nhận được, có thể tăng mức thời gian cấm thi đấu được tạm hoãn.

Tiêu chí kích hoạt việc áp dụng Điều này cũng được siết chặt hơn, bằng cách yêu cầu cung cấp thông tin “dẫn đến” việc Tổ chức phòng, chống doping (ADO) phát hiện các tình tiết cấu thành, hoặc đưa ra xử lý một vụ việc liên quan đến vi phạm quy định phòng, chống doping. Cách diễn đạt trong bản dự thảo sửa đổi đầu tiên là “có khả năng dẫn đến” đã được cho là dễ bị lạm dụng và không cần thiết. Tuy nhiên, việc ADO “phát hiện các tình tiết cấu thành [ví dụ: một vi phạm quy định phòng, chống doping]” mà không nhất thiết phải đưa ra xử lý vụ việc là đã đủ.

ĐIỀU MỚI: 10.7.2 Thông tin có giá trị khác và hỗ trợ trong nỗ lực loại bỏ doping trong thể thao

Quy định mới này cho phép Cơ quan quản lý kết quả (RMA) tạm hoãn tối đa 15% thời gian cấm thi đấu áp dụng trong các trường hợp khác, dựa trên việc cung cấp thông tin có giá trị nhưng không đáp ứng tiêu chí của “Hỗ trợ đáng kể” theo Điều 10.7.1. (Trong khi đó, Điều 10.7.1 cho phép tạm hoãn tối đa 75% thời gian cấm thi đấu.). Ví dụ, một Vận động viên cung cấp thông tin về cách họ đã sử dụng doping và tránh bị phát hiện, nhưng không xác định được bên thứ ba có liên quan như yêu cầu tại Điều 10.7.1.

Không có thay đổi đáng kể nào khác, ngoại trừ việc nhấn mạnh hơn vào việc ngăn ngừa hành vi doping đối với Người được bảo vệ hoặc người chưa thành niên.

Điều 10.8.1: Thỏa thuận quản lý kết quả (Result Management Agreements)

Điều 10.8.1 của Bộ luật hiện hành cho phép một Vận động viên bị buộc tội vi phạm quy định phòng, chống doping mà có thể dẫn đến thời gian cấm thi đấu 4 năm được thừa nhận vi phạm trong vòng 20 ngày kể từ khi nhận được thông báo buộc tội và được giảm thời gian cấm thi đấu xuống 1 năm. Các bên liên quan cho biết đây là một công cụ rất hữu ích để giải quyết nhanh các vụ việc và đã đề nghị mở rộng phạm vi áp dụng của Điều này. Theo đó, quy định này đã được mở rộng để áp dụng đối với các vi phạm có thời gian cấm thi đấu bị buộc tội dưới 4 năm, với mức giảm là 25%.

Các sửa đổi của Điều này cũng làm rõ rằng việc giảm 25% thời gian cấm thi đấu do thừa nhận sớm và chấp nhận xử phạt được tính dựa trên thời gian cấm thi đấu nêu trong văn bản buộc tội, chứ không phải thời gian cấm thi đấu tiềm năng được nêu trong thông báo ban đầu về khả năng vi phạm quy định phòng, chống doping.

Điều 10.9: Vi phạm nhiều lần

Khoản mới 10.9.3.4: Điều này làm rõ cách xử lý trong trường hợp đặc biệt khi Vận động viên có thể chứng minh rằng Kết quả phân tích bất lợi thứ hai chỉ đơn thuần là do sự tồn dư của Chất bị cấm trong cơ thể từ cùng một lần sử dụng đã dẫn đến Kết quả phân tích bất lợi thứ nhất.

Trong trường hợp này, các kết quả thi đấu liên quan đến Kết quả phân tích bất lợi thứ hai sẽ bị hủy bỏ, nhưng Vận động viên sẽ không bị tăng thêm thời gian cấm thi đấu, và quy định về vi phạm nhiều lần (Điều 10.9) sẽ không được áp dụng.

Điều 10.11: Tịch thu tiền thưởng

Dựa trên phản hồi từ các bên liên quan, Điều này đã quay trở lại phiên bản của Bộ luật 2021. Việc phân bổ huy chương và thứ hạng tiếp tục được để theo quy định của Bên ký chịu trách nhiệm đối với sự kiện.

Điều 10.14.1: Tình trạng trong thời gian cấm thi đấu hoặc tạm đình chỉ

Điều này mô tả những việc mà một cá nhân đang trong thời gian tạm đình chỉ hoặc thời gian cấm thi đấu được phép hoặc không được phép thực hiện. Nhiều bên liên quan đã đề nghị mở rộng nội dung của Điều này và bổ sung các ví dụ minh họa. Điều đó đã được thực hiện trong bản dự thảo này.

Việc tham gia hoạt động trong thời gian cấm thi đấu hoặc tạm đình chỉ sẽ dẫn đến các hậu quả xử lý, nhưng bản thân hành vi này không phải là một vi phạm quy định phòng, chống doping độc lập. Nhiều quy định trong Bộ luật liên quan đến vi phạm quy định phòng, chống doping đã được mở rộng để bao gồm các vi phạm theo Điều 10.14.1.

Điều này cũng đã được làm rõ thêm nhằm phản hồi các câu hỏi từ các bên liên quan và tình trạng áp dụng không thống nhất giữa các bên. Quy định cấm tham gia hoặc làm việc với một Bên ký hoặc các tổ chức thành viên của họ trong thời gian tạm đình chỉ hoặc cấm thi đấu đã được mở rộng, áp dụng đối với các vị trí như: thành viên hội đồng quản trị, cán bộ, giám đốc, quan chức hoặc lãnh đạo cấp cao, hoặc bất kỳ vị trí nào liên quan đến kiểm soát doping hoặc có tiếp xúc trực tiếp với Vận động viên hoặc Nhân sự hỗ trợ Vận động viên; việc làm ở các vị trí khác không bị cấm.

Phạm vi của quy định cấm này cũng được lặp lại trong phần vai trò và trách nhiệm của các Bên ký quy định tại Điều 20. Đáp ứng yêu cầu làm rõ từ đại diện Vận động viên, một chú thích đã được bổ sung tại Điều 10.14.1, trong đó làm rõ rằng khi một Vận động viên đang trong thời gian cấm thi đấu hoặc tạm đình chỉ có hợp đồng lao động cung cấp dịch vụ thể thao, thì Điều 10.14.1(vi) không cấm câu lạc bộ tiếp tục chi trả theo hợp đồng cho Vận động viên trong thời gian này, miễn là Vận động viên không tham gia vào bất kỳ hoạt động nào bị cấm theo Điều 10.14.1(v).

Các Điều 13 và 14.2.2: Các thay đổi liên quan đến kháng cáo

- **Điều 13.2:** Danh sách các quyết định có thể kháng cáo đã được mở rộng, bao gồm: quyết định không tiến hành xử lý đối với một Kết quả hộ chiếu sinh học bất lợi hoặc Kết quả hộ chiếu sinh học bất thường sau khi đã xem xét; quyết định không áp dụng tạm đình chỉ; quyết định của Cơ quan quản lý kết quả (RMA) cho rằng không đáp ứng các điều kiện để ghi nhận một vi phạm nghĩa vụ whereabouts; quyết định theo Điều 27.3 (áp dụng hồi tố Bộ luật mới đối với thời gian cấm thi đấu mà Vận động viên vẫn đang chấp hành theo quyết định trước khi Bộ luật mới có hiệu lực); và quyết định của một Tổ chức phòng, chống doping (ADO) về việc hủy bỏ hoặc không hủy bỏ kết quả theo Điều 5.6.1 (Vận động viên đã giải nghệ quay trở lại thi đấu).
- **Điều 13.2.3.2:** Nhằm đảm bảo tính công bằng, quyền kháng cáo đối với các quyết định của cơ quan xét xử cấp quốc gia đã được mở rộng từ chỉ bao gồm IOC, IPC, Liên đoàn quốc tế (IF) và WADA, sang bao gồm cả Vận động viên, Cơ quan phòng, chống doping quốc gia (NADO) của Vận động viên và bất kỳ bên nào khác tham gia vào vụ việc mà quyết định đó được đưa ra.
- **Điều 13.2.5:** Theo Bộ luật hiện hành, các quyết định hoặc sự chấp thuận do WADA đưa ra theo Điều 10.7 (Hỗ trợ đáng kể) và Điều 10.7.2 (Thông tin có giá trị khác) không thể bị kháng cáo. Trong bản dự thảo này, các quyết định đó có thể bị kháng cáo, với điều kiện áp dụng tiêu chuẩn xem xét “tùy tiện” (arbitrary standard of review). Tiêu chuẩn xem xét này cũng áp dụng đối với các quyết định của WADA theo Điều 5.6.1 (miễn trừ quy định thông báo trước 6 tháng đối với Vận động viên đã giải nghệ quay trở lại thi đấu).

Điều 13.1.2: Các thủ tục tố tụng trước CAS có sự tham gia của WADA, Liên đoàn quốc tế và/hoặc Tổ chức Sự kiện Lớn sẽ được tiến hành bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh, trừ khi các bên nêu trên có thỏa thuận khác.

Điều mới 13.1.4: Làm rõ rằng các kháng cáo đối với các quyết định do WADA đưa ra sẽ được xem xét dựa trên tiêu chí liệu quyết định đó có mang tính tùy tiện hay không.

Điều 13.2.2: (Xem phần giải thích tại Điều 7.4.3 về kháng cáo lên CAS của Vận động viên và các cá nhân khác).

Điều 14.2.2: Các bên có quyền kháng cáo một quyết định phải được cung cấp hồ sơ vụ việc ở dạng có thể đọc bằng máy, được lập bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh và, trong phạm vi có thể, ở định dạng điện tử, có thể tìm kiếm bằng từ khóa.

Đã có nhiều ý kiến phản đối từ các bên liên quan đối với yêu cầu trong bản dự thảo đầu tiên rằng hồ sơ vụ việc phải được lập bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh ở dạng có thể đọc bằng máy. Bản dự thảo thứ hai chỉ yêu cầu các tài liệu được cung cấp ở dạng có thể đọc bằng máy; và nếu hồ sơ vụ việc chứa các tài liệu bằng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Pháp hoặc tiếng Anh, thì phải cung cấp một bảng mục lục hồ sơ bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh kèm theo mô tả ngắn gọn cho từng tài liệu.

Điều 13.2.3.4 (Thời hạn kháng cáo đối với các bên không phải là WADA) đã được sửa đổi nhằm thiết lập một thời hạn kháng cáo thống nhất cho các bên không phải là WADA. Theo đó, thời hạn này sẽ là thời điểm muộn hơn giữa:

(a) hai mươi một (21) ngày kể từ khi nhận được quyết định; hoặc

(b) trong trường hợp bên kháng cáo có yêu cầu kịp thời về hồ sơ đầy đủ theo Điều 14.2.2, là hai mươi một (21) ngày kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ liên quan đến quyết định đó..

Các Điều 14.3.2 và 14.3.4: Công bố công khai bắt buộc sau khi có quyết định cuối cùng trong một vụ việc

Theo nguyên tắc chung tại Điều 14.3.2, sau khi có quyết định cuối cùng trong một vụ việc, Cơ quan quản lý kết quả (RMA) phải công bố công khai kết quả. Điều 14.3.4 hiện hành đưa ra một ngoại lệ đối với nguyên tắc này, theo đó yêu cầu phải có sự đồng ý của Vận động viên trong trường hợp Vận động viên được xác định là không vi phạm quy định phòng, chống doping. Bản dự thảo đầu tiên của Bộ luật mới bổ sung thêm một ngoại lệ khác đối với việc công bố bắt buộc trong trường hợp Vận động viên được xác định là không có lỗi hoặc không có sơ suất.

Yêu cầu góp ý: Đã có nhiều tranh luận về việc liệu các ngoại lệ này là hợp lý - nhằm đảm bảo công bằng và tôn trọng quyền của Vận động viên được xác định là không vi phạm hoặc không có lỗi — hay không hợp lý, xét đến tầm quan trọng của tính minh bạch đối với uy tín của hệ thống phòng, chống doping. Các ý kiến đóng góp thêm về vấn đề này được khuyến khích.

Sau khi xem xét toàn bộ ý kiến từ các bên liên quan, cân nhắc giữa tầm quan trọng của tính minh bạch và nguy cơ ảnh hưởng đến danh tiếng của Vận động viên đã được tuyên không vi phạm hoặc không có lỗi, Nhóm soạn thảo Bộ luật đã lựa chọn phương án ưu tiên bảo vệ Vận động viên. Theo đó, bản dự thảo thứ ba quy định rằng việc công bố chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của Vận động viên trong trường hợp xác định không có vi phạm hoặc không có lỗi, trừ khi danh tính của Vận động viên hoặc cá nhân liên quan đã được công khai hoặc các hậu quả xử lý đã được áp dụng. Tuy nhiên, để đảm bảo tính minh bạch, Điều 14.4 yêu cầu Tổ chức phòng, chống doping phải công bố hàng năm một báo cáo thống kê (giữ ẩn danh Vận động viên và các cá nhân liên quan), liệt kê các quyết định phòng, chống doping xác định không có lỗi hoặc không có sơ suất theo Điều 10.5, bao gồm năm ra quyết định, môn thể thao liên quan, điều khoản Bộ luật bị vi phạm, Chất hoặc Phương pháp bị cấm liên quan và việc quyết định đó có bị kháng cáo hay không. Đáng chú ý, số lượng các quyết định “không có lỗi” được WADA rà soát hàng năm là rất nhỏ so với tổng số vụ việc. Ví dụ, trong giai đoạn 2021–2024, WADA rà soát khoảng 3.000 vụ mỗi năm, trong khi số quyết định “không có lỗi” trung bình dưới 19 vụ mỗi năm. Quy định bổ sung tại Điều 14.3.7 trong bản dự thảo thứ hai, yêu cầu việc công bố theo Điều 14 đối với các vụ việc liên quan đến người chưa thành niên, Người được bảo vệ hoặc Vận động viên giải trí phải phù hợp với tính chất và hoàn cảnh của vụ việc, có tính đến lợi ích tốt nhất của cá nhân, đã được điều chỉnh để cho phép trong các trường hợp đặc biệt có thể cân nhắc thêm yếu tố uy tín của hệ thống phòng, chống doping.

Trong trường hợp sau quá trình xét xử và kháng cáo xác định rằng Vận động viên không vi phạm quy định phòng, chống doping hoặc không có lỗi hoặc không có sơ suất, việc công bố chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của Vận động viên, trừ khi danh tính của họ đã được công khai, các hậu quả xử lý đã hoặc đang được áp dụng, hoặc có

các tình huống đặc biệt khác đủ cơ sở để công bố. Ngoại lệ “các tình huống đặc biệt khác” này đã được bổ sung trong bản dự thảo thứ tư và cuối cùng.

Điều 18. Giáo dục

Theo đề nghị của bộ phận giáo dục của WADA, Điều này đã được điều chỉnh nhằm phản ánh những tiến bộ mới hơn trong công tác giáo dục phòng, chống doping của họ.

Điều 20: Vai trò và trách nhiệm bổ sung của các Bên ký và WADA

Hai quy định quan trọng đã được bổ sung vào phần đầu của Điều này. Thứ nhất là quy định yêu cầu các Tổ chức phòng, chống doping phải hợp tác với nhau một cách có đạo đức và thiện chí nhằm đạt được các mục tiêu của Bộ luật. Thứ hai là làm rõ rằng các Tổ chức phòng, chống doping không được ủy quyền bất kỳ phần nào của hoạt động kiểm soát doping nếu việc ủy quyền đó có thể dẫn đến xung đột lợi ích tiềm tàng hoặc thực tế.

Các nghĩa vụ bổ sung hoặc được làm rõ áp dụng đối với các Bên ký bao gồm: công bố các chính sách và quy định của mình trên môi trường trực tuyến để Vận động viên và các cá nhân khác có thể dễ dàng tiếp cận (ví dụ: Điều 20.1.1); và mô tả chi tiết hơn về các hành vi cần thiết để thực hiện nghĩa vụ tích cực theo đuổi mọi vi phạm quy định phòng, chống doping tiềm ẩn của Nhân sự hỗ trợ Vận động viên hoặc các cá nhân khác (ví dụ: chú thích tại Điều 20.1.9).

Điều 20.3: Vai trò và trách nhiệm của các Liên đoàn quốc tế

Nhiều bên liên quan, đặc biệt là các Tổ chức phòng, chống doping quốc gia (NADO), đã cho rằng các đơn vị thực hiện quản lý kết quả cho các Liên đoàn quốc tế cần phải độc lập với tổ chức thể thao mà họ phục vụ (ví dụ: thành lập các đơn vị liên chính độc lập hoặc ủy quyền cho các bên thứ ba độc lập như Cơ quan Kiểm tra Quốc tế – International Testing Agency). Tuy nhiên, phản hồi chủ yếu nhận được là mặc dù đề xuất này có thể hợp lý về mặt nguyên tắc, nhưng trên thực tế lại không khả thi. Việc hạn chế sự tham gia của các tổ chức thể thao trong hoạt động của các NADO để thực hiện hơn so với việc hạn chế họ trong chính các hoạt động phòng, chống doping của mình. Trong nhiều trường hợp, điều này không khả thi về mặt tổ chức hoặc tài chính.

Tuy nhiên, một chú thích mới đã được bổ sung tại Điều 20.3.1 nhằm ghi nhận các quan ngại của các NADO mà không áp đặt nghĩa vụ mới đối với các Liên đoàn quốc tế. Chú thích này nêu rằng các Liên đoàn quốc tế được khuyến khích, trong phạm vi nguồn lực và cơ cấu tổ chức của mình, đảm bảo rằng các hoạt động phòng, chống doping của họ có tính độc lập về mặt vận hành so với công tác quản lý và điều hành thể thao.

Điều 20.3.2: Yêu cầu các Liên đoàn quốc tế phải yêu cầu các liên đoàn quốc gia đảm bảo rằng Tổ chức phòng, chống doping quốc gia tại quốc gia đó có đầy đủ thẩm quyền để thực hiện các hoạt động phòng, chống doping đối với tất cả các cá nhân thuộc phạm vi quản lý của liên đoàn quốc gia, và các thành viên của liên đoàn quốc gia phải tuân thủ Bộ luật và các Tiêu chuẩn quốc tế.

Điều 20.4: Vai trò và trách nhiệm của Ủy ban Olympic quốc gia và Ủy ban Paralympic quốc gia

Điều 20.4.3 đã được mở rộng để yêu cầu các Ủy ban Olympic quốc gia và Ủy ban Paralympic quốc gia phải đảm bảo rằng Tổ chức phòng, chống doping quốc gia (NADO) tại quốc gia của mình có đầy đủ thẩm quyền để thực hiện các hoạt động phòng, chống doping đối với tất cả các Vận động viên và các cá nhân khác thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban Olympic quốc gia hoặc Ủy ban Paralympic quốc gia.

Yêu cầu trước đây đối với các Liên đoàn quốc tế và Ủy ban Olympic quốc gia phải “đảm bảo” rằng NADO có đầy đủ thẩm quyền thực hiện công việc của mình đã được điều chỉnh thành nghĩa vụ “nỗ lực tối đa” (best efforts). (Thay đổi tương tự cũng được áp dụng tại Điều 20.3.2 đối với các Liên đoàn quốc tế.)

Điều 20.4.22: Nhằm đảm bảo rằng khi một liên đoàn quốc gia tiến hành kiểm tra dưới thẩm quyền của Ủy ban Olympic quốc gia hoặc Ủy ban Paralympic quốc gia, thì liên đoàn đó phải sử dụng NADO của mình hoặc một đơn vị thu thập mẫu độc lập khác để thu thập mẫu theo đúng Tiêu chuẩn quốc tế về Kiểm tra.

Tuy nhiên, do xung đột lợi ích tiềm ẩn phát sinh khi các liên đoàn quốc gia tự tiến hành kiểm tra, Điều 20.4.22 này đã bị loại bỏ. Các liên đoàn quốc gia không nên thực hiện hoạt động kiểm tra.

Điều 21: Vai trò và trách nhiệm bổ sung của Vận động viên và các cá nhân khác

Kể từ Bộ luật 2015, các Điều 21.1.6 và 21.2.6 đã yêu cầu Vận động viên và Nhân sự hỗ trợ Vận động viên phải hợp tác với các Tổ chức phòng, chống doping trong việc điều tra các vi phạm quy định phòng, chống doping (Điều 21.3.3 áp dụng trách nhiệm tương tự đối với các cá nhân khác đã được bổ sung trong Bộ luật 2021).

Một chú thích tại các Điều này giải thích rằng việc không hợp tác không phải là một hành vi vi phạm quy định phòng, chống doping theo Bộ luật, nhưng có thể là căn cứ để áp dụng biện pháp kỷ luật theo quy định của Bên ký.

Chú thích này đã được mở rộng trong bản dự thảo thứ ba nhằm quy định rõ rằng nghĩa vụ hợp tác phải tuân thủ các bảo đảm về thủ tục phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở quyền có luật sư và quyền không tự buộc tội mình, như được quy định chi tiết hơn trong Tiêu chuẩn quốc tế về Tình báo và Điều tra.

Điều 22: Sự tham gia của các Chính phủ

Điều 22.2 quy định rằng mỗi Chính phủ nên cam kết tuân thủ các nguyên tắc của Bộ luật. Tuy nhiên, đã có một số ý kiến phản đối từ phía các Chính phủ đối với cách mô tả các nguyên tắc của Bộ luật tại Điều 22.2 trong bản dự thảo thứ hai.

Phù hợp với Công ước UNESCO, phần mô tả các nguyên tắc này đã được thay thế bằng yêu cầu rằng các Chính phủ sẽ “ủng hộ sứ mệnh của WADA theo quy định trong điều lệ của tổ chức này.”

Việc sử dụng Mẫu phòng, chống doping cho các mục đích quản lý thể thao ngoài phòng, chống doping

Bộ luật hiện hành có đề cập tại Chú thích 114 của Điều 23.2.2 về việc cho phép sử dụng Mẫu kiểm soát doping cho các mục đích quản lý thể thao khác. Trong bản dự thảo này, nguyên tắc của chú thích đó đã được đưa trực tiếp vào nội dung của các Điều 23.2.2 và 6.2(iv). Các điều kiện áp dụng đối với việc sử dụng này cũng đã được mở rộng nhằm giải quyết các quan ngại liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Nội dung của Điều 23.2.2 đã được rút gọn, nhưng không thay đổi về bản chất.

Vì lý do bảo mật dữ liệu, và theo phê duyệt của Ban Điều hành Quỹ WADA ngày 5 tháng 12 năm 2025, các sửa đổi bổ sung đã được thực hiện đối với Điều 23.2.2 (và chú thích của điều này) cũng như chú thích tại Điều 5.1. Ngoài ra, một Điều mới 14.6.2 đã được bổ sung nhằm làm rõ rằng các Tổ chức phòng, chống doping không được sử dụng thông tin cá nhân trong hệ thống ADAMS cho các mục đích khác ngoài phòng, chống doping.

ĐỊNH NGHĨA MỚI: TÍNH ĐỘC LẬP TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA NADO (NADO Operational Independence)

Điều 20.5.1 của cả Bộ luật hiện hành và bản dự thảo đầu tiên của Bộ luật mới đều yêu cầu các NADO phải độc lập trong các quyết định và hoạt động chuyên môn của mình, không phụ thuộc vào thể thao hoặc Chính phủ. Bản dự thảo này bổ sung một định nghĩa mới về “Tính độc lập trong hoạt động của NADO” nhằm làm rõ hơn yêu cầu này.

Định nghĩa về Tính độc lập trong hoạt động của Tổ chức phòng, chống doping quốc gia đã được mở rộng đáng kể để bao gồm các hoạt động trước đây có thể chưa bị cấm hoặc bị bỏ sót, ví dụ như cấm việc ủy quyền bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến kiểm soát doping cho các tổ chức thể thao hoặc cơ quan nhà nước.

PHẦN HAI: GIÁO DỤC VÀ NGHIÊN CỨU

Cả hai điều này đã được cập nhật đáng kể bởi các Hội đồng của WADA và các nhóm lợi ích liên quan.

PHẦN BA: Vai trò và trách nhiệm bổ sung của các Bên ký và WADA

Ba yêu cầu sau đã được bổ sung vào vai trò và trách nhiệm của từng nhóm Bên ký được xác định tại Điều 20:

- Tiến hành điều tra tự động đối với Nhân sự hỗ trợ Vận động viên trong trường hợp có vi phạm quy định phòng, chống doping liên quan đến Người được bảo vệ hoặc người chưa thành niên mà họ hỗ trợ, và tiến hành điều tra tự động đối với bất kỳ Nhân sự hỗ trợ Vận động viên nào đã hỗ trợ cho nhiều hơn một Vận động viên bị phát hiện vi phạm quy định phòng, chống doping (ví dụ: Điều 20.1.10).
- Ban hành và thực hiện các quy định về Quy tắc ứng xử (Code of Conduct), cho phép áp dụng các biện pháp kỷ luật đối với bất kỳ Nhân sự hỗ trợ Vận động viên nào vi phạm nghĩa vụ của mình theo Điều 21.2 (tham gia giáo dục phòng, chống doping và cung cấp thông tin chính xác cho Vận động viên mà họ hỗ trợ), trong trường hợp hành vi vi phạm đó không cấu thành vi phạm quy định phòng, chống doping (ví dụ: Điều 20.1.17).
- Tôn trọng tính tự chủ và độc lập của các Tổ chức phòng, chống doping quốc gia (NADO), cũng như các yêu cầu về tính độc lập trong hoạt động của NADO (ví dụ: Điều 20.1.18).

Một Điều mới 20.7 đã được bổ sung để quy định về vai trò và trách nhiệm của các Bên ký khác không được liệt kê tại các Điều 21.1–21.6. Về cơ bản, vai trò và trách nhiệm của các Bên ký này sẽ được xác định theo Phụ lục A của Chính sách WADA về việc chấp nhận các Bên ký mới của Bộ luật Phòng, chống doping Thế giới.

Điều 22: Sự tham gia của các Chính phủ

Hai quy định mới đã được bổ sung vào Điều này. Điều mới 22.2 quy định cam kết của mỗi Chính phủ đối với các nguyên tắc của Bộ luật như được quy định phù hợp với Công ước UNESCO. Điều mới 22.11 đề cập đến việc Chính phủ hỗ trợ các chương trình giáo dục và đào tạo về phòng, chống doping.

Điều 24: Giám sát và đánh giá việc tuân thủ Bộ luật và Công ước UNESCO.

Các sửa đổi đề xuất đối với Điều 24 của Bộ luật và các thay đổi đối với Tiêu chuẩn quốc tế về tuân thủ Bộ luật của các Bên ký bao gồm:

- Làm rõ rằng WADA phải ban hành một thông báo chính thức gửi tới Bên ký, trong đó nêu: (a) hành vi không tuân thủ; (b) các hậu quả dự kiến áp dụng; và (c) thời hạn để Bên ký phản hồi (Điều 24.1.2);

- Xác nhận rằng phản hồi của Bên ký đối với thông báo chính thức của WADA có thể bao gồm việc tranh chấp về hành vi không tuân thủ bị cáo buộc và các hậu quả đề xuất, cũng như việc phân loại của WADA đối với yêu cầu là “Mức độ nghiêm trọng” (Critical) hay “Ưu tiên cao” (High Priority); trong trường hợp đó, CAS sẽ giải quyết tranh chấp (Điều 24.1.5);
- Yêu cầu Bên ký muốn tranh chấp bất kỳ phần nào trong thông báo của WADA phải nộp khoản tiền đặt cọc 5.000 CHF để đảm bảo chi phí mà WADA sẽ phát sinh khi đưa tranh chấp ra CAS. Khoản tiền này sẽ được hoàn trả toàn bộ nếu tranh chấp được giải quyết trước khi phát sinh chi phí hoặc theo quyết định của CAS (Điều 24.1.3);
- Xác nhận rằng Bên ký có thể giải quyết tranh chấp bằng cách khắc phục hành vi không tuân thủ tại bất kỳ thời điểm nào trước khi có quyết định cuối cùng của CAS (Điều 24.1.8.6);
- Làm rõ quyền của Bên ký trong việc tranh chấp quan điểm của WADA rằng các điều kiện phục hồi tư cách chưa được đáp ứng (Điều 24.1.7);
- Làm rõ rằng việc rút các quyền lợi từ WADA do không tuân thủ không nhất thiết bao gồm việc tiếp cận các nguồn tài liệu giáo dục của WADA (Điều 24.1.4.1(c));
- Làm rõ các hậu quả liên quan đến việc treo cờ quốc gia và phát quốc ca (Điều 24.1.4.8);
- Làm rõ những đại diện nào của Bên ký bị áp dụng các hậu quả do không tuân thủ (định nghĩa “Representatives” trong Bộ luật).

NGƯỜI ĐƯỢC BẢO VỆ, NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN GIẢI TRÍ

Các cơ chế bảo vệ đặc biệt dành cho Người được bảo vệ và Vận động viên giải trí trong Bộ luật hiện hành không thay đổi. Tuy nhiên, một chú thích mới đã được bổ sung vào các định nghĩa này, làm rõ rằng các trường hợp áp dụng cơ chế ưu tiên đặc biệt đã được quy định cụ thể trong Bộ luật và không nên suy diễn rằng các ưu tiên này áp dụng cho các phần khác nếu không được nêu rõ.

Các quy định mới cũng mở rộng việc áp dụng cơ chế ưu tiên đối với Người được bảo vệ và/hoặc Vận động viên giải trí, và một phần (nhưng không phải toàn bộ) cơ chế này cũng được mở rộng cho người chưa thành niên không thuộc nhóm Người được bảo vệ (ví dụ: VĐV 16–17 tuổi trình độ cao). Ví dụ:

- Các vi phạm theo Điều 2.7 (Buôn bán), 2.8 (Sử dụng/tiêm truyền) hoặc 2.9 (Đồng lõa) liên quan đến Người được bảo vệ hoặc người chưa thành niên được coi là đặc biệt nghiêm trọng và có thể dẫn đến thời gian cấm thi đấu dài hơn (Điều 13.3.3 và 13.3.4);
- Hỗ trợ đáng kể: thông tin liên quan đến doping của Người được bảo vệ và người chưa thành niên được coi là đặc biệt có giá trị (Điều 10.7.1(iv) và 10.7.2);
- Không bắt buộc công bố công khai đối với các vi phạm khi người vi phạm là Người được bảo vệ, người chưa thành niên hoặc Vận động viên giải trí; việc công bố (nếu có) phải xem xét lợi ích tốt nhất của cá nhân (Điều 14.3.6);
- Yêu cầu điều tra Nhân sự hỗ trợ Vận động viên khi họ liên quan đến vi phạm của Người được bảo vệ hoặc người chưa thành niên; đồng thời yêu cầu họ tham gia giáo dục phòng, chống doping và cung cấp thông tin chính xác (Điều 20.1.10 và 21.2.2);
- Cam kết của Chính phủ trong việc hỗ trợ các chương trình giáo dục và đào tạo phòng, chống doping dành cho Người được bảo vệ và người chưa thành niên (Điều 22.11).

ĐỊNH NGHĨA

Tình tiết tăng nặng (Aggravating Circumstances) - Bổ sung việc vi phạm là một phần của kế hoạch doping tinh vi vào danh sách các tình tiết có thể dẫn đến tăng thời gian cấm thi đấu.

Vận động viên (Athlete): Bổ sung chú thích làm rõ rằng, trừ khi được quy định trong định nghĩa này, các Tổ chức phòng, chống doping không được áp dụng quy định khác nhau đối với VĐV cấp thấp về TUE; đồng thời yêu cầu Liên đoàn quốc tế công bố tiêu chí xác định VĐV cấp quốc tế.

Nguồn bị nhiễm (Contaminated Source): Mở rộng định nghĩa để bao gồm việc sử dụng thực phẩm bổ sung có chứa chất bị cấm không được ghi trên nhãn hoặc không thể tra cứu bằng trí tuệ nhân tạo hoặc các công cụ tìm kiếm tương tự.

Chuyên gia rà soát độc lập (Independent Review Expert): Được bổ sung nhằm giải đáp các câu hỏi từ các bên liên quan về vị trí này.

Tính độc lập thể chế (Institutional Independence): Ngoài việc phải hoàn toàn độc lập về mặt thể chế với tổ chức chịu trách nhiệm quản lý kết quả, các hội đồng xét xử cũng phải độc lập với các cơ quan.

Tính độc lập trong hoạt động của Tổ chức phòng, chống doping quốc gia (National Anti-Doping Organization Operational Independence): Quy định này đã tạo ra nhiều ý kiến góp ý từ các bên liên quan và cũng là nội dung khiến Nhóm soạn thảo Bộ luật phải dành nhiều thời gian trao đổi trực tiếp với các bên liên quan hơn bất kỳ quy định nào khác trong dự thảo Bộ luật 2027. Các Tổ chức phòng, chống doping quốc gia có vai trò đặc thù vì được kỳ vọng phải độc lập với mọi lợi ích gắn với thành tích của Vận động viên quốc gia, سواء liên quan đến thể thao hay Chính phủ. Theo cách xây dựng lại, định nghĩa này quy định rằng không cá nhân nào có xung đột lợi ích thực tế hoặc tiềm ẩn được tham gia vào các hoạt động vận hành của Tổ chức phòng, chống doping quốc gia. Cụ thể, không cá nhân nào được đồng thời tham gia quản lý hoặc hoạt động vận hành của Tổ chức phòng, chống doping quốc gia và đồng thời tham gia quản lý hoặc hoạt động vận hành của một liên đoàn thể thao quốc gia hoặc cơ quan nhà nước có trách nhiệm về thể thao hoặc phòng, chống doping. Để phản hồi các câu hỏi từ các bên liên quan, các ví dụ cụ thể về các mối quan hệ được phép và không được phép cũng đã được cung cấp.

Tính độc lập vận hành (Operational Independence)

Việc đảm bảo tính độc lập của các cơ quan xét xử là một bước tiến quan trọng được nhiều bên liên quan đề xuất và đã được đưa vào Bộ luật 2021. Điều này đề cập đến vấn đề ai là người lựa chọn danh sách các trọng tài của hội đồng xét xử theo Điều 8 và ai có thể đảm nhiệm vai trò trọng tài. Trước đây, đại diện của Tổ chức phòng, chống doping chịu trách nhiệm quản lý kết quả đã bị loại trừ. Ngôn ngữ bổ sung trong bản dự thảo thứ ba làm rõ rằng các phiên điều trần không được thực hiện bởi những người được bổ nhiệm bởi hoặc chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý thể thao quốc gia hoặc các tổ chức thể thao quốc gia. Nhóm soạn thảo Bộ luật cũng đã xem xét việc loại trừ những cá nhân tham gia quản lý nhà nước về thể thao hoặc phòng, chống doping. Tuy nhiên, hạn chế này cuối cùng không được chấp nhận do khó khăn thực tiễn trong việc xác định ai sẽ là người lựa chọn danh sách thành viên hội đồng xét xử nếu cả phía thể thao và Chính phủ đều bị loại khỏi quá trình này.

Vận động viên giải trí (Recreational Athlete)

Việc xác định những đối tượng nào được coi là Vận động viên giải trí, và do đó được hưởng các cơ chế ưu tiên theo Bộ luật, do Tổ chức phòng, chống doping quốc gia của Vận động viên thực hiện.

Để đảm bảo tính hài hòa và tránh tình trạng một số Tổ chức phòng, chống doping quốc gia phân loại các Vận động viên trình độ cao là Vận động viên giải trí, các tiêu chí chặt chẽ hơn đã được bổ sung vào định nghĩa này.

Can thiệp (Tampering) Định nghĩa về Can thiệp đã được làm rõ thêm, theo đó “nhân viên thu thập mẫu phải được phép thực hiện nhiệm vụ của mình trong một môi trường an toàn, không bị can thiệp hoặc quấy rối”.

Tham vấn lấy Vận động viên làm trung tâm (Athlete-Centered Consultation)

Các ý kiến phản hồi thu được từ các Vận động viên tham gia tham vấn đã xác nhận sự ủng hộ đối với các thay đổi chính sau trong Bộ luật 2027:

– Đa số người tham gia cho rằng “Cơ sở lý luận nền tảng của Bộ luật”, như được tái cấu trúc trong Bộ luật 2027, đặc biệt liên quan đến khái niệm “Tinh thần thể thao”, là quan trọng..

(Cơ sở lý luận nền tảng của Bộ luật) (78% người tham gia đồng ý)

– Đa số người tham gia cho biết họ ủng hộ việc áp dụng thời gian cấm thi đấu ngắn hơn đối với các vi phạm quy định phòng, chống doping trong trường hợp Vận động viên hành động do bất cẩn nghiêm trọng so với hành vi cố ý;

(Điều 10.2 của Bộ luật) (55% người tham gia đồng ý)

– Đa số người tham gia ủng hộ các điều chỉnh đề xuất đối với thời gian cấm thi đấu trong các trường hợp liên quan đến các Chất bị lạm dụng.

(Điều 10.2.3 của Bộ luật) (83% người tham gia đồng ý)

– Đa số người tham gia cho rằng việc bổ sung thêm các ví dụ về những hoạt động mà một cá nhân được phép hoặc không được phép thực hiện trong thời gian cấm thi đấu là rõ ràng và hữu ích.

(Chú thích Điều 10.14.1 của Bộ luật) (94% người tham gia đồng ý)

– Đa số người tham gia đồng ý rằng các mẫu được thu thập cho mục đích phòng, chống doping (trong khuôn khổ Chương trình phòng, chống doping thế giới) có thể được sử dụng bởi các Tổ chức phòng, chống doping quốc gia hoặc các Liên đoàn quốc tế cho các mục đích không liên quan đến doping, chẳng hạn như đảm bảo an toàn, thực thi quy tắc ứng xử và các quy định về điều kiện tham gia, đặc biệt liên quan đến giới tính.

(Chú thích Điều 23.2.2 của Bộ luật) (66% người tham gia đồng ý)